

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ HT VIỆT NAM

## CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

### 1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ HT VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: HT VIETNAM INVESTMENT AND DEVELOPMENT TRADING SERVICE JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: HT VIETNAM IDTS.,JSC

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0107906397

**3. Ngày thành lập:** 05/07/2017

### 4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 05LK11-KĐT Văn Phú, Phường Phú La, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0977190685

Fax: 0466586007

Email: htvncompany@gmail.com

Website:

### 5. Ngành, nghề kinh doanh:

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                         | Mã ngành |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Sản xuất sản phẩm từ da lông thú                                                                                                                                                                                  | 1420     |
| 2.  | Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc                                                                                                                                                                              | 1430     |
| 3.  | Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép<br>Chi tiết: Bán buôn hàng may mặc                                                                                                                                           | 4641     |
| 4.  | Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)                                                                                                                               | 4931     |
| 5.  | Vệ sinh nhà cửa và các công trình khác                                                                                                                                                                            | 8129     |
| 6.  | Bán lẻ hàng dệt, may sẵn, giày dép lưu động hoặc tại chợ                                                                                                                                                          | 4782     |
| 7.  | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại                                                                                                                                                                         | 8230     |
| 8.  | Vận tải hành khách đường bộ khác<br>Chi tiết: Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô theo tuyến cố định;<br>Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng;<br>Kinh doanh vận chuyển khách du lịch bằng xe ô tô; | 4932     |
| 9.  | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                                                                                                           | 4663     |
| 10. | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Bán buôn phụ liệu may mặc và giày dép                                                                                                              | 4669     |
| 11. | Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp                                                                                                                                                                           | 3320     |
| 12. | Bán buôn đồ uống                                                                                                                                                                                                  | 4633     |
| 13. | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động                                                                                                                                                                  | 5610     |
| 14. | Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất                                                                                                                                                 | 6820     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |             |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 15. | Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp                                                                                                                                                                                                                                                            | 8211        |
| 16. | May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)                                                                                                                                                                                                                                                   | 1410        |
| 17. | Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                         | 4773        |
| 18. | Chuẩn bị mặt bằng                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4312        |
| 19. | Hoạt động dịch vụ phục vụ cá nhân khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>- Dịch vụ đánh giày, khâu vá, giúp việc gia đình;<br>- Dịch vụ chăm sóc, huấn luyện động vật cảnh;<br>- Các hoạt động nhượng quyền sử dụng máy hoạt động bằng đồng xu như: máy cân, máy kiểm tra huyết áp. | 9639        |
| 20. | Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ<br>Chi tiết: Bán lẻ mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh lưu động hoặc tại chợ<br>Bán lẻ hàng gốm sứ, thủy tinh lưu động hoặc tại chợ<br>Bán lẻ hoa tươi, cây cảnh lưu động hoặc tại chợ<br>Bán lẻ hàng hóa khác chưa được phân vào đâu, lưu động hoặc tại chợ | 4789        |
| 21. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                             | 4752        |
| 22. | Giáo dục nghề nghiệp<br>Chi tiết: Dạy nghề<br>Hoạt động đào tạo mới và bổ túc tay nghề nhân viên vệ sinh công nghiệp                                                                                                                                                                             | 8532        |
| 23. | Sửa chữa máy móc, thiết bị                                                                                                                                                                                                                                                                       | 3312        |
| 24. | Xây dựng công trình công ích                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4220        |
| 25. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                                                                                                                                                                                                                                       | 4290        |
| 26. | Xây dựng nhà các loại                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4100        |
| 27. | Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ                                                                                                                                                                                                                                                        | 4210        |
| 28. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4321        |
| 29. | Bán buôn thực phẩm                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4632        |
| 30. | Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp                                                                                                                                                                             | 4711        |
| 31. | Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                   | 4723        |
| 32. | Dịch vụ lưu trú ngắn ngày                                                                                                                                                                                                                                                                        | 5510        |
| 33. | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan                                                                                                                                                                                                                                              | 7110        |
| 34. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng                                                                                                                                                                                                                                                                   | 7410        |
| 35. | Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp                                                                                                                                                                                                                                                                          | 8110        |
| 36. | Vệ sinh chung nhà cửa                                                                                                                                                                                                                                                                            | 8121(Chính) |
| 37. | Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan                                                                                                                                                                                                                                                            | 8130        |
| 38. | Phá dỡ                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4311        |

|     |                                                                                                                                                                                                         |                                                                     |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------|
| 39. | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí                                                                                                                                         | 4322                                                                |
| 40. | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                                          | 4330                                                                |
| 41. | Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                        | 4722                                                                |
| 42. | Cho thuê xe có động cơ<br>Chi tiết: Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô theo tuyến cố định;<br>Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng;<br>Kinh doanh vận chuyển khách du lịch bằng xe ô tô; | 7710                                                                |
| 43. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết: Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh                                                                                                     | 4649                                                                |
| 44. | Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                        | 4771                                                                |
| 45. | Bán lẻ hàng hóa đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: Bán lẻ hàng may mặc đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh                                                          | 4774                                                                |
| 46. | Đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện doanh nghiệp chỉ hoạt động kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật                                                                        | <i>Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam</i> |

**6. Vốn điều lệ:** 7.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần: 10.000 VNĐ/Cổ phần

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:**

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông     | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần      | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|-----------------|--------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | NGUYỄN THỊ THÚY | Xóm 3 thôn Thanh Tân, Xã Quảng Hòa, Thị Xã Ba Đồn, Tỉnh Quảng Bình, Việt Nam         | Cổ phần phổ thông | 210.000    | 2.100.000.000         | 30,000    | 172118132                                                                                   |         |
|     |                 |                                                                                      | Tổng số           | 210.000    | 2.100.000.000         | 30,000    |                                                                                             |         |
|     |                 |                                                                                      |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |

|   |                   |                                                                                                       |                   |         |               |        |           |  |
|---|-------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|---------|---------------|--------|-----------|--|
| 2 | NGUYỄN ANH TUẤN   | Xóm 3, Thôn Thanh Tân, Xã Quảng Hòa, Thị Xã Ba Đồn, Tỉnh Quảng Bình, Việt Nam                         | Cổ phần phổ thông | 210.000 | 2.100.000.000 | 30,000 | 194270865 |  |
|   |                   |                                                                                                       | Tổng số           | 210.000 | 2.100.000.000 | 30,000 |           |  |
| 3 | NGUYỄN ĐĂNG HOÀNG | Số 115 phố Đại An, Khu TT Học viện An Ninh, Phường Văn Quán, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông | 280.000 | 2.800.000.000 | 40,000 | 017389622 |  |
|   |                   |                                                                                                       | Tổng số           | 280.000 | 2.800.000.000 | 40,000 |           |  |

### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|

### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: NGUYỄN THỊ THÚY

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 21/10/1986

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 172118132

Ngày cấp: 10/11/2002

Nơi cấp: Công an tỉnh Quảng Bình

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Xóm 3 thôn Thanh Tân, Xã Quảng Hòa, Thị Xã Ba Đồn, Tỉnh Quảng Bình, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Số 05LK11-KĐT Văn Phú, Phường Phú La, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội